

Số: 412/TB-TCT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO
Về Kế hoạch tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2023

Thực hiện Quyết định số 771/QĐ-BTC ngày 11/4/2023, Quyết định số 970/QĐ-BTC ngày 12/5/2023, Quyết định số 1142/QĐ-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2023, Tổng cục Thuế thông báo như sau:

I. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

Chỉ tiêu tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2023 tại Cơ quan Tổng cục Thuế và 62 Cục Thuế tỉnh, thành phố (*Cục Thuế tỉnh Hà Nam không có chỉ tiêu tuyển dụng*) là: **1.634** chỉ tiêu, cụ thể theo từng ngạch công chức như sau:

- Ngạch Chuyên viên: 278 chỉ tiêu, trong đó:
 - + Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ: 156 chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công tác quản lý xây dựng cơ bản: 07 chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công tác Đảng: 07 chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công nghệ thông tin: 108 chỉ tiêu.
- Ngạch Cán sự: 19 chỉ tiêu.
- Ngạch Kiểm tra viên thuế: 1.215 chỉ tiêu.
- Ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế: 46 chỉ tiêu.
- Ngạch Văn thư viên: 49 chỉ tiêu.
- Ngạch Văn thư viên trung cấp: 27 chỉ tiêu.

(Bảng chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng công chức kèm theo Thông báo)

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Điều kiện chung

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí dự tuyển;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn

2.1. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Kiểm tra viên thuế (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*), **ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế** (*Có Bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên*) gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

- Ngành hoặc chuyên ngành về Thuế, gồm:
 - + Thuế,
 - + Thuế - Hải quan,
 - + Hải quan.
- Ngành hoặc các chuyên ngành về Kế toán, gồm:
 - + Kế toán,
 - + Kế toán - Kiểm toán,
 - + Kế toán doanh nghiệp,
 - + Kế toán công,
 - + Kiểm toán.
- Ngành hoặc các chuyên ngành về Tài chính, gồm:
 - + Tài chính,
 - + Tài chính - Ngân hàng,
 - + Tài chính công,
 - + Tài chính doanh nghiệp,
 - + Tài chính kế toán,
 - + Tài chính quốc tế.
- Ngành hoặc các chuyên ngành về Kinh tế, gồm:

+ Kinh doanh;	+ Kinh tế Quốc tế,
+ Kinh doanh quốc tế,	+ Marketing,
+ Kinh doanh thương mại,	+ Ngân hàng,
+ Kinh doanh xuất nhập khẩu,	+ Ngoại Thương,
+ Kinh tế,	+ Quản lý kinh doanh,
+ Kinh tế chính trị,	+ Quản lý kinh tế,
+ Kinh tế đầu tư,	+ Quản trị kinh doanh,
+ Kinh tế đối ngoại,	+ Quản trị thương mại,

- | | |
|----------------------------------|-------------------------|
| + Kinh tế học, | + Thương mại điện tử, |
| + Kinh tế ngoại thương, | + Thương mại đối ngoại, |
| + Kinh tế phát triển, | + Thương mại quốc tế, |
| + Kinh tế và thương mại quốc tế, | + Thống kê kinh tế, |
| + Kinh tế vận tải biển, | + Thống kê kinh doanh. |
| + Kinh tế và quản lý công, | |

* Không bao gồm các ngành/chuyên ngành đào tạo: Luật kinh tế, Luật tài chính, Luật thuế...; Toán kinh tế, Toán tài chính...; Tiếng Anh - Kinh tế, Tiếng Anh - Tài chính...

2.2. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ (Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên), **ngạch Cán sự** (Có Bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên) gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

- Ngành hoặc chuyên ngành về Thuế, gồm:

- + Thuế,
- + Thuế - Hải quan,
- + Hải quan.

- Ngành hoặc các chuyên ngành về Kế toán, gồm:

- + Kế toán,
- + Kế toán - Kiểm toán,
- + Kế toán doanh nghiệp,
- + Kế toán công,
- + Kiểm toán.

- Ngành hoặc các chuyên ngành về Tài chính, gồm:

- + Tài chính,
- + Tài chính - Ngân hàng,
- + Tài chính công,
- + Tài chính doanh nghiệp,
- + Tài chính kế toán,
- + Tài chính quốc tế.

- Ngành hoặc các chuyên ngành về Kinh tế, gồm:

- | | |
|------------------------------|------------------------|
| + Kinh doanh; | + Marketing, |
| + Kinh doanh quốc tế, | + Ngân hàng, |
| + Kinh doanh thương mại, | + Ngoại Thương, |
| + Kinh doanh xuất nhập khẩu, | + Quản lý công, |
| + Kinh tế, | + Quản lý kinh doanh, |
| + Kinh tế chính trị, | + Quản lý kinh tế, |
| + Kinh tế đầu tư, | + Quản trị kinh doanh, |
| + Kinh tế đối ngoại, | + Quản trị nhân lực, |

- | | |
|----------------------------------|-------------------------|
| + Kinh tế học, | + Quản trị thương mại, |
| + Kinh tế ngoại thương, | + Thương mại điện tử, |
| + Kinh tế phát triển, | + Thương mại đối ngoại, |
| + Kinh tế và thương mại quốc tế, | + Thương mại quốc tế, |
| + Kinh tế vận tải biển, | + Thống kê kinh tế, |
| + Kinh tế và quản lý công, | + Thống kê kinh doanh. |
| + Kinh tế Quốc tế, | |

* Không bao gồm các ngành/chuyên ngành đào tạo: Luật kinh tế, Luật tài chính, Luật thuế...; Toán kinh tế, Toán tài chính...; Tiếng Anh - Kinh tế, Tiếng Anh - Tài chính...

2.3. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm Quản lý Xây dựng cơ bản (Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên), gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| + Kinh tế xây dựng; | + Công nghệ kỹ thuật xây dựng; |
| + Kiến trúc; | + Công nghệ kỹ thuật điện lạnh. |
| + Xây dựng dân dụng và công nghiệp; | |
| + Kỹ thuật công trình xây dựng; | |

2.4. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm công tác Đảng (Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên), các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” sau được đăng ký dự tuyển cụ thể: Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý Nhà nước.

2.5. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm công nghệ thông tin (Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên), gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

- Ngành hoặc các chuyên ngành về công nghệ, gồm:

- + Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông,
- + Công nghệ kỹ thuật máy tính,
- + Công nghệ phần mềm,
- + Công nghệ thông tin.

- Ngành hoặc các chuyên ngành về kỹ thuật máy tính, gồm:

- | | |
|----------------------------------|--|
| + An toàn thông tin, | + Kỹ thuật phần mềm, |
| + Điện tử viễn thông, | + Mạng máy tính, |
| + Hệ thống máy tính, | + Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, |
| + Hệ thống thông tin, | + Máy tính và khoa học thông tin, |
| + Hệ thống thông tin quản lý, | + Tin học, |
| + Khoa học dữ liệu, | + Toán - Tin, |
| + Khoa học máy tính, | + Toán - tin ứng dụng, |
| + Kỹ thuật điện tử - viễn thông, | + Quản lý thông tin. |

+ Kỹ thuật máy tính,

2.6. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Văn thư viên (Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên) và ngạch Văn thư viên trung cấp (Có Bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên), các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” sau được đăng ký dự tuyển cụ thể:

+ Văn thư,

+ Văn thư lưu trữ,

+ Lưu trữ học.

+ Trường hợp tốt nghiệp ngành hoặc các chuyên ngành sau: Hành chính, Hành chính học, Quản trị văn phòng thí sinh phải có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

3. Điều kiện về trình độ tin học, ngoại ngữ

- *Đối với ngạch Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế:* Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với vị trí việc làm yêu cầu công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

Yêu cầu sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam đối với từng ngạch cụ thể như sau:

+ Ngạch Chuyên viên: Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Ngạch Kiểm tra viên thuế: Bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Đối với ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế; ngạch Cán sự; ngạch Văn thư viên và Văn thư viên trung cấp:* Không yêu cầu.

- Không yêu cầu thí sinh dự tuyển nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học ở trình độ tương ứng khi nộp hồ sơ dự tuyển.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG TUYỂN DỤNG

1. Về việc nhận hồ sơ đối với các trường hợp có giấy chứng nhận tốt nghiệp:

Đối với thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp nhưng chưa được cơ sở đào tạo cấp bằng, khi nộp hồ sơ tuyển dụng có thể nộp giấy chứng nhận hoặc xác nhận tốt nghiệp chờ cấp bằng của cơ sở đào tạo và phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp trước ngày thi tuyển. Trường hợp trước ngày thi tuyển chính thức, thí sinh chưa bổ sung bằng tốt nghiệp sẽ không được tham dự kỳ thi.

2. Về việc miễn thi ngoại ngữ:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định các trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ gồm:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ. Hồ sơ xác định ưu tiên trong tuyển dụng như sau:

a) Đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ các loại có xác nhận là:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; Thẻ (thương binh, bệnh binh...); Quyết định được hưởng chính sách là thương binh; Quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hoá học.

- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu đãi do Phòng Lao động thương binh và xã hội cấp huyện trở lên xác nhận.

b) Đối với Sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Quyết định xuất ngũ hoặc các giấy tờ xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân; giấy tờ xác nhận đã tốt nghiệp các khóa đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị.

c) Đối với người dân tộc thiểu số: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2 và phải nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Giấy khai sinh của thí sinh ghi rõ dân tộc thiểu số. Trong trường hợp giấy khai sinh của thí sinh không ghi rõ thành phần dân tộc, đề nghị thí sinh bổ sung căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của thí sinh đăng ký dự tuyển (áp dụng theo Công văn số 1446/VPCP-ĐP ngày 20/3/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc xác nhận thành phần dân tộc).

- Thông tin đối tượng được ưu tiên phải được kê khai trên Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp kê khai bổ sung sau khi hết hạn nộp hồ sơ sẽ không được tính cộng điểm ưu tiên.

Lưu ý: Hồ sơ ưu tiên nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Nếu thời điểm cấp sau thời điểm hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì không được cộng điểm ưu tiên theo quy định.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

4.1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức:

Những người có đủ các điều kiện nếu tham gia dự tuyển phải nộp hồ sơ dự tuyển công chức trực tiếp cho đơn vị tuyển dụng thuộc Tổng cục Thuế. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại 01 đơn vị, cụ thể mỗi bộ Hồ sơ gồm các thành phần tài liệu sau:

(1) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu tại Phụ lục đính kèm. Người dự tuyển khai đúng theo hướng dẫn, phải ký tên trên từng trang của Phiếu đăng ký và phải cam kết những thông tin đã khai trên phiếu là đúng sự thật; trường hợp khai sai thì kết quả tuyển dụng sẽ bị hủy bỏ và người dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(2) Bản chụp văn bằng tốt nghiệp và kết quả học tập (Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp): bản photo, không yêu cầu chứng thực, công chứng, sao y.

- Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, khi nộp hồ sơ dự tuyển thí sinh cần nộp bản photo văn bằng và bảng kết quả học tập (tất cả kèm bản dịch sang tiếng Việt công chứng) và bản photo giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định.

(3) Đối với thí sinh được miễn thi ngoại ngữ: yêu cầu thí sinh nộp bản chụp (bản photo) một trong các giấy tờ sau:

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định khi nộp hồ sơ theo quy định tại mục (2) nêu trên.

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp Đại học, sau Đại học chuyên ngành về ngoại ngữ,

- Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số đối với người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số, giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số.

(4) Đối với người dự tuyển là đối tượng ưu tiên tuyển dụng thì nộp thêm các giấy tờ theo quy định tại mục 3 Phần III về Ưu tiên trong tuyển dụng.

(5) Ba phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận (thí sinh hoặc thân nhân); 02 ảnh (cỡ 4cm x 6cm) chụp trong thời gian gần nhất, từ 03 tháng tính đến thời điểm thông báo.

Lưu ý:

** Người dự tuyển phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đăng ký dự tuyển. Sau khi có kết quả thi, nếu trúng tuyển thí sinh phải nộp đầy đủ văn bằng tốt nghiệp và bằng kết quả học tập theo ngạch đăng ký dự tuyển, văn bằng được miễn thi ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc (nếu được miễn thi ngoại ngữ) theo quy định.*

** Người dự tuyển không phải nộp Giấy khám sức khỏe, Sơ yếu lý lịch, Giấy khai sinh khi nộp hồ sơ dự tuyển.*

4.2. Hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển:

(1) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- a) Bản sao chứng thực: Văn bằng tốt nghiệp và bằng kết quả học tập, văn bằng được miễn thi ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc, giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số (nếu được miễn thi ngoại ngữ) theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

- b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

(2) Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, khi trúng tuyển, thí sinh phải nộp giấy công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định. Trường hợp không có giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

hoặc các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng sẽ không được tuyển dụng.

(3) Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

5. Lệ phí dự tuyển: Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp lệ phí dự tuyển là 300.000 đồng/người (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp không đủ điều kiện dự tuyển hoặc thí sinh đăng ký nhưng không tham gia thi tuyển, Tổng cục Thuế không hoàn trả lại hồ sơ đăng ký dự tuyển và lệ phí dự tuyển.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển:

6.1. Thời gian và hình thức đăng ký trực tuyến:

- Thời gian đăng ký trực tuyến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày 12/6/2023 đến 17 giờ 00 ngày 11/7/2023.

- Địa chỉ đăng ký trực tuyến: <https://dangkydutuyen.gdt.gov.vn>.

Lưu ý:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn kèm theo Thông báo này trước khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp tại Cơ quan thuế.

+ Khi đăng ký dự tuyển trực tuyến, thí sinh phải đính kèm bộ Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức (trừ Phiếu đăng ký dự tuyển).

6.2. Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:

Sau khi đăng ký dự tuyển trực tuyến thành công, thí sinh sẽ nhận được Phiếu hẹn đến Cơ quan thuế đăng ký dự tuyển để nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp và lệ phí dự tuyển.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: **05 ngày kể từ 08 giờ 00 ngày 07/7/2023 đến 17 giờ 00 ngày 11/7/2023.**

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Cơ quan Tổng cục Thuế: Trụ sở Cơ quan Tổng cục Thuế, số 123 Lò Đúc, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào 62 Cục Thuế tỉnh, thành phố: Địa điểm do Cục Thuế thông báo. Cục Thuế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển để thí sinh biết.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC VÀ XÁC ĐỊNH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

1. Thí sinh tham gia thi tuyển công chức thực hiện theo hai vòng thi:

1.1. Vòng 1

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính.

- Nội dung thi và thời gian thi: gồm 2 phần.

Phần I: Kiến thức chung (60 câu hỏi, thời gian thi 60 phút) về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

Phần II: Ngoại ngữ, thi Tiếng Anh (30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam:

+ Trình độ bậc 3 đối với ngạch Chuyên viên;

+ Trình độ bậc 2 đối với ngạch Kiểm tra viên thuế.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

1.2. Vòng 2

- Hình thức thi: Thi viết

- Thời gian thi: 180 phút

- Nội dung thi:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các ngạch Chuyên viên làm chuyên môn, nghiệp vụ, ngạch Cán sự, ngạch Kiểm tra viên thuế và ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế: Kiến thức về thuế (Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân) và Luật Quản lý thuế.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Chuyên viên làm quản lý xây dựng cơ bản: Kiến thức về quản lý đầu tư xây dựng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Chuyên viên làm công tác đảng: Công tác đảng, văn phòng cấp ủy; công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đảng.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Chuyên viên làm công nghệ thông tin: Kiến thức về công nghệ thông tin (kỹ thuật máy tính; khoa học máy tính; kỹ

thuật phần mềm - mạng máy tính và truyền thông); Kiến thức về hệ điều hành Window; Kiến thức về quản trị Cơ sở dữ liệu; Sử dụng các ứng dụng của Office 2010 (chủ yếu là Microsoft Excel và Microsoft Word).

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Văn thư viên, ngạch Văn thư viên trung cấp: Kiến thức về lưu trữ học và quản trị văn phòng; về hành chính văn thư; về văn thư - lưu trữ.

2. Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2023

Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí dự tuyển tại đơn vị.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả thi tuyển.

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề mà bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển theo quy định.

Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI TUYỂN

Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2023 sẽ thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức; thời gian địa điểm tổ chức

thi tuyển; kết quả thi tuyển và các thông tin khác trên trang thông tin điện tử của Cơ quan Tổng cục Thuế (địa chỉ: www.gdt.gov.vn) và tại trụ sở Cơ quan Thuế có chỉ tiêu tuyển dụng.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác đăng ký dự tuyển đối với thí sinh khi đăng ký, đề nghị thí sinh truy cập vào đường dẫn ứng dụng đăng ký trực tuyến như sau: <https://dangkydutuyen.gdt.gov.vn> để thực hiện việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển và nộp kèm theo các văn bằng chứng chỉ theo hướng dẫn. Sau khi đăng ký dự tuyển trực tuyến thành công, thí sinh in Phiếu hẹn và Phiếu đăng ký dự tuyển đã kê khai trên phần mềm đến nộp trực tiếp tại Cơ quan Thuế theo thời gian được ghi trên phiếu hẹn./.

Nơi nhận:

- Q. TCTr Mai Xuân Thành (để b/c);
- Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng (để b/c);
- Website Tổng cục Thuế (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCCB (2b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**



Dương Văn Hùng

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số 412 /TB-TCT ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tổng cục Thuế)

TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng năm 2023	Trong đó									Ghi chú
			Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Cán sự	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên XDCB	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công nghệ thông tin	
1	Cục Thuế tỉnh An Giang	38	0	35	0	0	1	0	0	0	2	
2	Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	15	0	15	0	0	0	0	0	0	0	
3	Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn	12	0	12	0	0	0	0	0	0	0	
4	Cục Thuế tỉnh Bắc Giang	12	1	11	0	0	0	0	0	0	0	
5	Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu	20	1	17	0	0	1	0	0	0	1	
6	Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh	9	0	8	0	0	0	0	0	0	1	
7	Cục Thuế tỉnh Bến Tre	31	0	27	0	0	2	0	0	0	2	
8	Cục Thuế tỉnh Bình Định	12	4	7	0	0	1	0	0	0	0	
9	Cục Thuế tỉnh Bình Dương	23	0	22	0	0	0	0	0	0	1	
10	Cục Thuế tỉnh Bình Phước	20	2	18	0	0	0	0	0	0	0	
11	Cục Thuế tỉnh Bình Thuận	15	1	13	0	0	0	0	0	0	1	
12	Cục Thuế tỉnh Cà Mau	25	3	20	0	0	2	0	0	0	0	
13	Cục Thuế thành phố Cần Thơ	36	14	19	0	0	2	0	0	0	1	
14	Cục Thuế tỉnh Cao Bằng	14	5	9	0	0	0	0	0	0	0	
15	Cục Thuế thành phố Đà Nẵng	32	0	30	0	0	0	0	0	0	2	
16	Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk	16	0	12	0	0	1	0	0	0	3	
17	Cục Thuế tỉnh Đắk Nông	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Cục Thuế tỉnh Điện Biên	11	0	9	0	0	0	0	0	0	2	
19	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai	40	1	19	17	0	0	0	0	0	3	
20	Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp	31	1	28	0	0	0	0	0	0	2	
21	Cục Thuế tỉnh Gia Lai	21	2	19	0	0	0	0	0	0	0	



Handwritten signature or initials.

TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng năm 2023	Trong đó									Ghi chú
			Chuyên viên làm chuyên môn nghề vụ	Kiểm tra viên Thuế	Cán sự	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên XDCB	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công nghệ thông tin	
22	Cục Thuế tỉnh Hà Giang	39	6	26	0	0	1	0	0	0	6	
23	Cục Thuế thành phố Hà Nội	62	1	48	0	1	3	0	2	3	4	
24	Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh	23	11	12	0	0	0	0	0	0	0	
25	Cục Thuế tỉnh Hải Dương	15	0	15	0	0	0	0	0	0	0	
26	Cục Thuế thành phố Hải Phòng	25	0	24	0	0	0	0	0	0	1	
27	Cục Thuế tỉnh Hậu Giang	45	12	23	0	0	4	0	0	0	6	
28	Cục Thuế tỉnh Hòa Bình	28	5	18	0	0	0	4	0	0	1	
29	Cục Thuế tỉnh Hưng Yên	5	1	4	0	0	0	0	0	0	0	
30	Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa	16	0	16	0	0	0	0	0	0	0	
31	Cục Thuế tỉnh Kiên Giang	38	7	23	0	0	0	1	1	0	6	
32	Cục Thuế tỉnh Kon Tum	9	0	9	0	0	0	0	0	0	0	
33	Cục Thuế tỉnh Lai Châu	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
34	Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng	30	1	21	0	0	0	2	1	0	5	
35	Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn	24	0	22	0	0	0	2	0	0	0	
36	Cục Thuế tỉnh Lào Cai	5	0	4	0	0	0	0	0	0	1	
37	Cục Thuế tỉnh Long An	76	0	71	0	0	0	2	0	0	3	
38	Cục Thuế tỉnh Nam Định	10	0	6	0	0	1	0	0	0	3	
39	Cục Thuế tỉnh Nghệ An	33	0	29	0	0	0	2	0	0	2	
40	Cục Thuế tỉnh Ninh Bình	8	0	8	0	0	0	0	0	0	0	
41	Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận	13	0	13	0	0	0	0	0	0	0	
42	Cục Thuế tỉnh Phú Thọ	40	0	37	0	0	0	2	0	0	1	
43	Cục Thuế tỉnh Phú Yên	9	0	4	0	0	0	0	0	0	5	
44	Cục Thuế tỉnh Quảng Bình	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
45	Cục Thuế tỉnh Quảng Nam	35	0	28	0	0	1	1	0	0	5	
46	Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi	7	0	3	0	0	0	0	0	0	4	
47	Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh	30	0	23	0	0	1	0	0	4	2	

hu M

TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng năm 2023	Trong đó									Ghi chú
			Chuyên viên làm chuyên môn nghề vụ	Kiểm tra viên Thuế	Cán sự	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên XDCB	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công nghệ thông tin	
48	Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
49	Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng	27	3	10	2	8	0	3	0	0	1	
50	Cục Thuế tỉnh Sơn La	20	0	16	0	0	0	0	0	0	4	
51	Cục Thuế tỉnh Tây Ninh	31	4	24	0	0	0	0	0	0	3	
52	Cục Thuế tỉnh Thái Bình	14	0	14	0	0	0	0	0	0	0	
53	Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên	15	1	10	0	0	2	0	0	0	2	
54	Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa	42	5	33	0	0	0	0	0	0	4	
55	Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên - Huế	6	2	2	0	0	0	2	0	0	0	
56	Cục Thuế tỉnh Tiền Giang	69	14	41	0	7	0	4	1	0	2	
57	Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	181	11	122	0	28	17	0	0	0	3	
58	Cục Thuế tỉnh Trà Vinh	45	2	41	0	0	1	0	1	0	0	
59	Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang	12	5	7	0	0	0	0	0	0	0	
60	Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long	29	2	24	0	0	1	0	0	0	2	
61	Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc	13	1	8	0	2	2	0	0	0	0	
62	Cục Thuế tỉnh Yên Bái	22	6	12	0	0	0	2	1	0	1	
63	Cơ quan Tổng cục Thuế	30	15	0	0	0	5	0	0	0	10	
Tổng		1,634	156	1,215	19	46	49	27	7	7	108	

ha M

